

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Của: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASC**

**CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza

Số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04 37425 888 - Fax: 04 37578 666

Website: <http://www.kiemtoanasc.com.vn> / [kiemtoanasc.vn](http://kiemtoanasc.vn)

Email: [kiemtoanasc.info@gmail.com](mailto:kiemtoanasc.info@gmail.com)

**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 5
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	6 - 7
<b>Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán:</b>	
Bảng cân đối kế toán	8 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
Thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 38

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Hàng Hải Đông Đô theo Quyết định số 2315 ngày 30/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015196 ngày 25/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đã được thay đổi lần 4 ngày 06/11/2015.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 19, Tháp Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội.

### **Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:**

- Văn phòng Công ty.
- Các đơn vị trực thuộc, bao gồm:

#### **Tên đơn vị phụ thuộc**

Trung tâm thuyền viên  
Chi nhánh Hải Phòng  
Chi nhánh Hồ Chí Minh

#### **Địa chỉ**

Số 47 Lương Khánh Thiện, Hải Phòng  
Số 21, Võ Thị Sáu, Hải Phòng  
62Bis, Huỳnh Thúc Kháng, Quận 1, TP.HCM

### **Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103015196 ngày 25/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đã được thay đổi lần 4 ngày 06/11/2015, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy;
- Đại lý xăng dầu và vật tư kỹ thuật;
- Đại lý hàng hóa;
- Đại lý môi giới và vận chuyển hàng hoá;
- Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng xe máy và các phương tiện khác;
- Vận hành sửa chữa thiết bị, máy móc cho khu nhà ở và văn phòng;
- Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng thiết bị kỹ thuật thủy bộ khác;
- Kinh doanh xếp dỡ kho và bãi cảng;
- Kinh doanh thiết bị vật tư hàng hóa;
- Tổ chức nạo vét vùng nước cảng và khu vực lân cận, kết hợp tận thu đất cát sản phẩm trong quá trình nạo vét;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Trục vớt cứu hộ;
- Dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô;
- Khai thác vật liệu xây dựng các loại;
- Xây lắp các cấu kiện công trình;
- Xây dựng các công trình dân dụng, kho tàng, bến bãi thuộc nhóm C;
- Thi công nền móng mặt bằng đường bộ, đào đắp, san lấp mặt bằng, tạo bãi và các dịch vụ xây dựng cơ bản khác;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Du lịch lữ hành;
- Cung ứng thuyền viên (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Huấn luyện, đào tạo và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

- Đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho thuyền viên;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa hạ tầng nhà ở và văn phòng;
- Dịch vụ dọn vệ sinh;
- Dịch vụ trang trí phong cảnh;
- Kinh doanh mua – bán tàu biển và các trang bị kỹ thuật, phụ tùng vật tư hàng hải.
- (Đối với các ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật).

Vốn điều lệ của Công ty là: 122.444.950.000 đồng (Một trăm hai mươi hai tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu tương đương 12.244.495 cổ phần

#### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Lỗ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 là: (138.429.050.033) VND.  
Lỗ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 là: (118.076.722.444) VND).  
Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 là: (562.300.986.248) VND.  
(Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 là: (423.077.936.215) VND).

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đồ đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán ASC. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng và các đơn vị có lợi ích công chúng khác thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Minh Hưng	Chủ tịch HĐQT	Nghỉ hưu từ tháng 11/2015
Ông Trần Văn Nghi	Chủ tịch HĐQT	Bỏ nhiệm từ tháng 11/2015
Ông Nguyễn Duy Luân	Ủy viên HĐQT	
Ông Nguyễn Thế Hưng	Ủy viên HĐQT	
Ông Đoàn Minh An	Ủy viên HĐQT	
Ông Nguyễn Văn Chung	Ủy viên HĐQT	Từ nhiệm từ tháng 11/2015
Ông Nguyễn Như Dân	Ủy viên HĐQT	
Ông Lê Hoàng Vượng	Ủy viên HĐQT	Bỏ nhiệm từ tháng 11/2015

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Duy Luân	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thế Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Cao Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Minh An	Phó Tổng Giám đốc	Kiểm Kế toán trưởng

***Các thành viên Ban kiểm soát***

Bà Nguyễn Ngọc Tú	Trưởng Ban kiểm soát	
Bà Hoàng Thị Hồng Thái	Thành viên	Nghỉ hưu từ tháng 10/2015
Ông Nguyễn Như Dân	Thành viên	Từ nhiệm từ tháng 05/2015

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2016

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN DUY LÂN**

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
của Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô*

**Kính gửi:** Quý Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô được lập ngày 30 tháng 01 năm 2016 gồm: Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được trình bày từ trang 08 đến trang 38 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu nhập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ Công ty. Công việc kiểm toán này cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Từ ngày 13/9/2014, theo biên bản bàn giao tài sản số 09/2014/BBBG/ĐM-PVB ngày 13/9/2014 về việc xử lý công nợ theo yêu cầu của các tổ chức tín dụng, Công ty đã bàn giao tàu Đông Mai cho Ngân hàng Hàng Hải và tạm dừng trích lãi vay phải trả ngân hàng đối với khoản nợ vay thế chấp là tàu Đông Mai cũng như khấu hao TSCĐ đối với con tàu này với số lãi vay và khấu hao TSCĐ tương ứng là 713.695.304 đồng và 718.202.444 đồng. Giá trị khoản gốc vay, lãi vay phải trả: 291.030.252.528 đồng đang được theo dõi trên tài khoản Phải trả khác và giá trị còn lại của tàu Đông Mai: 158.710.066.366 đồng hiện đã được theo dõi trên tài khoản Phải thu khác.

Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các hồ sơ có liên quan đến việc xử lý khoản nợ vay này (ngoài biên bản bàn giao tài sản nêu trên) từ phía ngân hàng cho vay, nên chúng tôi chưa thể đưa ra ý kiến về việc tạm dừng trích khấu hao, chi phí lãi vay phải trả và nguyên giá tài sản cố định như Công ty đang thực hiện.

Số lỗ lũy kế của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 là: 562.300.986.248 đồng, nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2015 là: 1.408.192.370.691 đồng vượt quá tổng tài sản 972.523.837.754 đồng với số tiền là 435.668.532.937 đồng. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng sinh lời trong tương lai và sự tiếp tục hỗ trợ tài chính từ các chủ sở hữu vốn. Báo cáo tài chính này không bao gồm sự điều chỉnh nào liên quan đến tính không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo Tài chính.

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2016

**Công ty TNHH Kiểm toán ASC**  
**Phó Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Trần Thị Hạnh**  
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán  
Số: 0726-2013-133-1

**Nguyễn Thị Thu Hương**  
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán  
Số: 1919-2013-133-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>46.207.764.864</b>	<b>54.435.857.780</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>IV. 1</b>	<b>10.631.233.668</b>	<b>6.987.895.685</b>
1. Tiền	111		10.631.233.668	6.687.895.685
2. Các khoản tương đương tiền	112			300.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>IV. 2</b>	<b>300.000.000</b>	
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		300.000.000	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.832.113.703</b>	<b>23.339.966.301</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>IV. 3</b>	10.034.208.794	13.391.210.283
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>IV. 4</b>	3.945.500.940	7.872.997.460
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Các khoản phải thu khác	136	<b>IV. 5</b>	4.755.421.341	1.161.747.452
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.903.017.372)	(1.730.890.595)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	<b>IV. 6</b>		2.644.901.701
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>IV. 7</b>	<b>10.500.975.838</b>	<b>16.619.758.761</b>
1. Hàng tồn kho	141		10.500.975.838	16.619.758.761
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.943.441.655</b>	<b>7.488.237.033</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>IV. 12</b>	750.929.489	1.214.312.223
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.190.520.300	6.271.932.944
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	<b>IV. 13</b>	1.991.866	1.991.866
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>926.316.072.890</b>	<b>1.014.472.911.662</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>183.093.891.795</b>	<b>163.295.372.473</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	<b>IV. 3</b>	2.979.289.122	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	<b>IV. 4</b>	485.842.192	
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	<b>IV. 5</b>	179.628.760.481	163.295.372.473
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>729.070.426.045</b>	<b>809.852.794.905</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV. 8	729.070.426.045	809.852.794.905
- Nguyên giá	222		1.264.215.653.818	1.263.376.794.280
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(535.145.227.773)	(453.523.999.375)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV. 9		
- Nguyên giá	228		30.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(30.000.000)	(30.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	IV. 10	<b>1.218.481.818</b>	<b>17.921.517.990</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.218.481.818	17.921.517.990
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	IV. 11		<b>10.253.544.260</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		59.800.000.000	59.800.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(59.800.000.000)	(49.546.455.740)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.933.273.232</b>	<b>13.149.682.034</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV. 12	11.767.843.232	11.984.252.034
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268		1.165.430.000	1.165.430.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>972.523.837.754</b>	<b>1.068.908.769.442</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

( Tiếp theo )

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.408.192.370.691</b>	<b>1.375.092.171.478</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>69.250.979.210</b>	<b>105.020.150.918</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	IV. 15	21.677.497.392	44.189.755.475
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		244.891.528	3.125.258.840
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	IV. 16	399.576.102	4.110.562.354
4. Phải trả người lao động	314		13.181.218.182	9.723.999.498
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	IV. 17	208.993.448	
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HỖXĐ	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	IV. 19	2.355.228.958	5.444.275.997
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	IV. 18	1.711.513.690	2.440.638.844
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	IV. 14	29.470.816.000	35.984.416.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.243.910	1.243.910
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.338.941.391.481</b>	<b>1.270.072.020.560</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	IV. 15	17.075.495.857	
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		1.025.154.555	
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	IV. 17	294.307.085.504	245.383.058.362
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	IV. 18	299.688.398.327	299.752.376.822
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	IV. 14	726.845.257.238	724.936.585.376
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(435.668.532.937)</b>	<b>(306.183.402.036)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	IV. 20	<b>(435.668.532.937)</b>	<b>(306.183.402.036)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		122.444.950.000	122.444.950.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.621.485.000	4.621.485.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(30.000)	(30.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(9.737.919.131)	(19.475.838.263)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.303.967.442	9.303.967.442
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(562.300.986.248)	(423.077.936.215)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>972.523.837.754</b>	<b>1.068.908.769.442</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu



Trần Kim Ân

Kế toán trưởng



Đoàn Minh An

Tổng Giám đốc




Nguyễn Duy Luân



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V. 1	294.110.335.734	392.123.958.399
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	V. 2	294.110.335.734	392.123.958.399
4. Giá vốn hàng bán	11	V. 3	312.772.024.867	404.967.514.799
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(18.661.689.133)	(12.843.556.400)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V. 4	130.816.443	4.322.375.542
7. Chi phí tài chính	22	V. 5	93.531.827.238	87.872.102.851
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		42.839.746.585	54.682.052.246
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V. 6	22.404.920.609	22.330.820.587
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(134.467.620.537)	(118.724.104.296)
11. Thu nhập khác	31	V. 7	5.858.909.068	2.286.834.643
12. Chi phí khác	32	V. 8	9.820.338.564	1.639.452.791
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.961.429.496)	647.381.852
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(138.429.050.033)	(118.076.722.444)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(138.429.050.033)	(118.076.722.444)

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu



Trần Kim Ân

Kế toán trưởng



Đoàn Minh An

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Luân